UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ NGUYỄN TRÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1468 /QĐ-UBND	*Nguyễn Trãi, ngày 19 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc huỷ kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại thôn Nhân Vũ, xã Nguyễn Trãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NGUYỄN TRÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật đấu giá tài sản ngày 17/11/2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản ngày 27/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Hưng Yên: Số 406/QĐ-UBND ngày 30/01/2022 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ân Thi;

Căn cứ Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND huyện Ân Thi về việc Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại xã Nguyễn Trãi, huyện Ân Thi;

Căn cứ Công văn số 114/SNNMT-VPĐKĐĐ ngày 11/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Hưng Yên về việc chỉnh lý số thứ tự tờ bản đồ để sử dụng sau khi hoàn thành việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã;

Căn cứ Công văn số 158/TCS4-QLTK ngày 22/8/2025 của Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên về việc xác nhận việc nộp tiền trúng đấu giá vào NSNN;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 240 /TTr-KT ngày 19 / 9 /2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Huỷ kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất (QSDĐ) đối với 88 lô đất đã được UBND huyện Ân Thi (cũ), tỉnh Hưng Yên công nhận kết quả trúng đấu giá tại Quyết định số 1387/QĐ-UBND ngày 19/3/2025.

Lý do huỷ kết quả trúng đấu giá: Quá thời hạn 120 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất, người trúng đấu giá không nộp đủ tiền trúng đấu giá theo quy định tại điểm c Khoản 9 Điều 55 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng Kinh tế quản lý, hoàn thiện hồ sơ để tiếp tục tiến hành đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; Phối hợp với Kho bạc Nhà nước Khu vực IV điều chỉnh số tiền đặt cọc đã nộp NSNN từ tiểu mục 1401 (thu tiền sử dụng đất được Nhà nước giao) sang tiểu mục 4949 (các khoản thu khác) theo quy định.

2. Giao Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định lên Cổng thông tin điện tử của xã Nguyễn Trãi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND-UBND xã; Trưởng phòng Kinhtế; Thuế cơ sở 4 tỉnh Hưng Yên; Kho bạc nhà nước khu vực IV; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm Dịch vụ văn hóa - xã hội;
- Lưu: VT, KT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tất Thắng

DANH SÁCH CÁC LÔ ĐẤT ĐỀ NGHỊ HUỶ KẾT QUẢ TRÚNG ĐẤU GIÁ TẠI THÔN NHÂN VŨ

(Kèm theo Quyết định số 1468 /QĐ-UBND ngày 19 /9/2025)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số CCCD	Lô số	Số thửa	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Giá trúng (đồng/m2)	Thành tiền (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Số tiền còn phải nộp (đồng)	Ghi chú
1	Vũ Thị Huyền	thôn Phủ, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030193005496	LK-1	768	5	95	32.900.000	3.125.500.000	342.000.000	2.783.500.000	
2	Vũ Thị Huyền	thôn Phủ, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030193005496	LK-2	769	5	95	35.900.000	3.410.500.000	342.000.000	3.068.500.000	
3	Trần Thế Duy	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030090010269	LK-3	770	5	95	35.900.000	3.410.500.000	342.000.000	3.068.500.000	
4	Lê Văn Duy	thôn Kênh, xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	030094017130	LK-4	771	5	95	34.900.000	3.315.500.000	342.000.000	2.973.500.000	
5	Trần Thế Duy	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030090010269	LK-5	772	5	95	35.900.000	3.410.500.000	342.000.000	3.068.500.000	
6	Đỗ Văn Phiến	thôn Phú Khê, xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	030080015084	LK-6	773	5	159	42.000.000	6.678.000.000	763.200.000	5.914.800.000	
7	Mạc Duy Lam	Huề Trì 3, phường Trần Liễu, TP Hải Phòng	030078017980	LK-7	780	5	119,1	43.600.000	5.192.760.000	571.680.000	4.621.080.000	
8	Trần Thế Duy	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030090010269	LK-8	779	5	95	34.900.000	3.315.500.000	380.000.000	2.935.500.000	

20	Lê Xuân Đà	thôn Phủ, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030093007570	LK-20	787	5	90	35.900.000	3.231.000.000	360.000.000	2.871.000.000	
21	Lê Xuân Đà	thôn Phủ, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030093007570	LK-21	788	5	90	35.900.000	3.231.000.000	360.000.000	2.871.000.000	
22	Trần Thế Duy	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030090010269	LK-22	789	5	90	35.900.000	3.231.000.000	360.000.000	2.871.000.000	
23	Nguyễn Thị Duyên	thôn Bùi Xá, xã Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Phòng	030184021467	LK-23	790	5	113,85	41.300.000	4.702.005.000	546.480.000	4.155.525.000	
24	Nguyễn Văn Long	thôn Mỹ Hương, xã Tam Đồng, tỉnh Nghệ An	040090033835	LK-24	800	5	163,35	36.300.000	5.929.605.000	784.080.000	5.145.525.000	
25	Quách Văn Hiền	thôn Cao Xá, xã Dân Hoà, TP Hà Nội	001084020831	LK-27	797	5	90	36.600.000	3.294.000.000	324.000.000	2.970.000.000	
26	Trần Thế Duy	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030090010269	LK-28	796	5	90	35.900.000	3.231.000.000	324.000.000	2.907.000.000	
27	Nguyễn Văn Đại	xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên	033092001953	LK-29	795	5	90	35.600.000	3.204.000.000	324.000.000	2.880.000.000	
28	Đỗ Xuân Hiệp	xã Việt Tiến, tỉnh Hưng Yên	033085013725	LK-30	794	5	90	34.900.000	3.141.000.000	324.000.000	2.817.000.000	
29	Lê Thị Minh	thôn Vạc, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030191011884	LK-31	793	5	90	36.900.000	3.321.000.000	324.000.000	2.997.000.000	

40	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-43	810	5	90	37.000.000	3.330.000.000	360.000.000	2.970.000.000	
41	Lê Văn Duy	thôn Kênh, xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	030094017130	LK-44	811	5	90	37.600.000	3.384.000.000	360.000.000	3.024.000.000	
42	Nhữ Văn Tân	thôn Phú, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030092001059	LK-45	812	5	90	36.800.000	3.312.000.000	360.000.000	2.952.000.000	
43	Nhữ Văn Tân	thôn Phú, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030092001059	LK-46	813	5	90	36.800.000	3.312.000.000	360.000.000	2.952.000.000	
44	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-47	814	5	90	37.000.000	3.330.000.000	360.000.000	2.970.000.000	
45	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-48	815	5	90	37.000.000	3.330.000.000	360.000.000	2.970.000.000	
46	Nguyễn Thị Ánh	phố Thanh Bình, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh	027173006852	LK-50	816	5	174,7	30.800.000	5.380.760.000	838.560.000	4.542.200.000	
47	Nhữ Văn Tân	thôn Phú, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030092001059	LK-51	832	5	90	37.600.000	3.384.000.000	360.000.000	3.024.000.000	
48	Trần Thị Hoài	TDP Phú Đa, phường Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	026191004124	LK-52	831	5	90	39.900.000	3.591.000.000	360.000.000	3.231.000.000	
49	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-53	830	5	90	37.900.000	3.411.000.000	360.000.000	3.051.000.000	

60	Nguyễn Thị Ánh	phố Thanh Bình, phường Đồng Nguyên, tỉnh Bắc Ninh	027173006852	LK-67	834	5	163,05	37.200.000	6.065.460.000	782.640.000	5.282.820.000	
61	Nhữ Văn Tân	thôn Phú, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030092001059	LK-68	835	5	90	38.600.000	3.474.000.000	360.000.000	3.114.000.000	
62	Nhữ Văn Tân	thôn Phú, xã Thái Minh, TP Hải Phòng	030092001059	LK-69	836	5	90	38.800.000	3.492.000.000	360.000.000	3.132.000.000	
63	Lê Văn Duy	thôn Kênh, xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	030094017130	LK-70	837	5	90	38.900.000	3.501.000.000	360.000.000	3.141.000.000	
64	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-72	839	5	90	37.900.000	3.411.000.000	360.000.000	3.051.000.000	
65	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-73	840	5	90	37.900.000	3.411.000.000	360.000.000	3.051.000.000	
66	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-74	841	5	90	37.900.000	3.411.000.000	360.000.000	3.051.000.000	
67	Lê Văn Duy	thôn Kênh, xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	030094017130	LK-75	842	5	90	38.900.000	3.501.000.000	360.000.000	3.141.000.000	
68	Lưu Thị Thuý Nga	thôn Trai Trang, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	033194000983	LK-76	843	5	90	37.200.000	6.065.460.000	782.640.000	5.282.820.000	
69	Nguyễn Hà Thu	thôn An Xá, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030190005179	LK-77	844	5	90	37.900.000	3.411.000.000	360.000.000	3.051.000.000	

80	Lương Quang Chiến	thôn Linh Khê, Thanh Quang, Nam Sách, hải Dương	030080013127	LK-90	861	5	90	48.500.000	4.365.000.000	324.000.000	4.041.000.000	
81	Đỗ Văn Phiến	thôn Phú Khê, xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	030080015084	LK-91	860	5	90	55.900.000	5.031.000.000	324.000.000	4.707.000.000	
82	Đỗ Văn Phiến	thôn Phú Khê, xã Thượng Hồng, TP Hải Phòng	030080015084	LK-92	859	5	90	56.200.000	5.058.000.000	324.000.000	4.734.000.000	
83	Nguyễn Mạnh Hùng	thôn Lâm Xuyên, xã An Phú, TP Hải Phòng	030087005126	LK-95	856	5	90	49.900.000	4.491.000.000	324.000.000	4.167.000.000	
84	Nguyễn Thị Duyên	thôn Bùi Xá, xã Nguyễn Lương Bằng, TP Hải Phòng	030184021467	LK-96	855	5	90	51.300.000	4.617.000.000	324.000.000	4.293.000.000	
85	Quách Văn Hiền	thôn Cao Xá, xã Dân Hoà, TP Hà Nội	001084020831	LK-97	854	5	90	53.800.000	4.842.000.000	324.000.000	4.518.000.000	
86	Ứng Văn Tuấn	Đội 10, Kim Bôi, xã Hương Sơn, TP Hà Nội	001090011316	LK-98	853	5	90	52.500.000	4.725.000.000	324.000.000	4.401.000.000	
87	Mai Thị Hằng	số 4 ngoã 1 Hàng Khoai, phường Ba Đình, TP Hà Nội	001185033784	LK-99	852	5	90	54.800.000	4.932.000.000	324.000.000	4.608.000.000	
88	Lê Văn Thanh	thôn Lương Gián, xã Trần Phú, TP Hải Phòng	030081014636	LK-100	851	5	113,65	55.700.000	6.330.305.000	490.968.000	5.839.337.000	
Tổng							**8590,95**	**3.444.200.000**	**338.173.620.000**	**35.136.912.000**	**303.036.708.000**	